

Số: 01 /2021/QĐST-KDTM

Cẩm Phả, ngày 18 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Mạnh Hùng;

2. Ông Trần Ngọc Chiến;

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển*” giữa:

- **Nguyên đơn: CÔNG TY C.** Địa chỉ: Số 1, đường C, phường B, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Thanh T - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: bà Trần Thị H – sinh năm 1986, chuyên viên pháp chế của Công ty C (theo giấy uỷ quyền số 06/2020/GUQ-CL ngày 03/9/2020 của ông Lê Thanh T).

- **Bị đơn: CÔNG TY Đ;** Địa chỉ: Số , phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh H - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền bà Trần Thị Minh Th – sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 34, khu 4 phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; là kế toán trưởng của Chi nhánh Công ty Đ (Theo văn bản uỷ quyền ngày 17/6/2021 của ông Trần Minh H).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: CHI NHÁNH CÔNG TY Đ;** Địa chỉ: Tổ 42, Khu 4B2, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Viết T Người đại diện theo uỷ quyền: bà Trần Thị Minh Th – sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 34, khu 4, phường C, thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh; là kế toán trưởng của Chi nhánh Công ty Đ (Theo văn bản uỷ quyền ngày 10/6/2021 của ông Đinh Viết T).

+ Ông Vũ Văn T – sinh năm 1972; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu 2, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

+Ông Vũ Tuấn A– sinh năm 1985; địa chỉ: chung cư, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, của Bị đơn, của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh công ty Đ thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; thỏa thuận này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án là ông Vũ Văn T, ông Vũ Tuấn A; thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn: CÔNG TY C.** Địa chỉ: Số 1, đường C phường B, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Thanh T - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị H – sinh năm 1986, chuyên viên pháp chế của Công ty C (theo giấy ủy quyền số 06/2020/GUQ-CL ngày 03/9/2020 của ông Lê Thanh T).

- **Bị đơn: CÔNG TY Đ;** Địa chỉ: Số , phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh H - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Minh Th – sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 34, khu 4 phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; là kế toán trưởng của Chi nhánh Công ty Đ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2021 của ông Trần Minh H).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: CHI NHÁNH CÔNG TY Đ;** Địa chỉ: Tổ 42, Khu 4, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Viết T. Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Minh Th – sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 34, khu 4 phường C, thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh; là kế toán trưởng của Chi nhánh Công ty Đ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2021 của ông Đinh Viết T).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Tính đến ngày 15/6/2021, Chi nhánh Công ty Đ còn nợ Công ty C tiền công vận chuyển và tiền chi hộ phát sinh tại Hợp đồng vận chuyển số 01/HĐVC-2016 ngày 01/01/2016, Hợp đồng vận chuyển số 01/HĐVC-2017 ngày 01/01/2017 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ-2017 ngày 15/02/2017, Hợp đồng vận chuyển số 01/HĐVC-2018 ngày 01/01/2018, Hợp đồng vận chuyển số 01/HĐVC-2019 ngày 01/01/2019 ký kết giữa Chi nhánh Công ty Đ và Công ty C, tổng số tiền là: 6.526.250.500 đồng (*Sáu tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn*

năm trăm đồng) và tiền lãi do chậm trả tính đến ngày 15/06/2021 là: 1.254.559.124 đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi tư triệu năm trăm năm mươi chín nghìn một trăm hai mươi tư đồng*).

- Công ty Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty C số tiền nợ gốc là: 6.526.250.500 đồng (*Sáu tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*).

- Chậm nhất đến ngày 30/10/2021, Công ty Đ tư phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 6.526.250.500 đồng (*Sáu tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*) cho Công ty C thì Công ty C giảm tiền lãi, chỉ yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) trong tổng 1.254.559.124 đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi tư triệu năm trăm năm mươi chín nghìn một trăm hai mươi tư đồng*) tiền lãi. Như vậy, chậm nhất đến ngày 30/10/2021 Công ty Đ phải hoàn thành thanh toán đầy đủ cho Công ty C tổng số tiền là: 6.926.250.500 đồng (*Sáu tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*).

- Kể từ ngày 15/06/2021 đến hết ngày 30/10/2021, bất cứ khi nào Công ty Đ được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải ngân chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án “*Khu Du lịch và đô thị sinh thái Cửa Ông tại khu 4B, phường C TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh*” vào tài khoản của Công ty Đ hoặc tài khoản của Chi nhánh Công ty Đ thì Công ty Đ phải có trách nhiệm ưu tiên thanh toán ngay số tiền 6.926.250.500 đồng (*Sáu tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*) cho Công ty C.

- Hết thời hạn ngày 30/10/2021, Công ty TNHH Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền 6.926.250.500 đồng (*Sáu tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*) cho Công ty C, thì Công ty Đ ngoài trách nhiệm phải thanh toán toàn bộ nợ gốc hoặc phần nợ gốc còn lại, còn phải chịu phạt bằng số tiền là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) trả cho Công ty C

- Án phí: Các bên thỏa thuận Công ty Đ và Công ty C mỗi bên chịu 50% án phí sơ thẩm. Cho nên, Công ty Đ và Công ty C mỗi bên đều phải nộp án phí sơ thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại, số tiền là 57.463.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng*). Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 57.455.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi năm nghìn đồng*) mà Công ty C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005103 ngày 25/3/2020 của Cơ quan chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, được trừ vào án phí mà Công ty C phải nộp.

3. Kể từ ngày Công ty Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Cái Lân số tiền 6.926.250.500 đồng (*Sáu tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*) và Công ty C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là Công ty Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND tp. Cẩm Phả;
- Chi cục THADS tp. Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ; VP

Đặng Thị Minh Nga

.5 Trong vụ án có nhiều đương sự, nếu có một đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị không tiến hành hòa giải thì có thuộc trường hợp vụ án dân sự không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không?

Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định một trong các trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được là: “*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”. Như vậy, trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đề nghị không tiến hành hòa giải là trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nếu trong vụ án có nhiều đương sự mà có đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành hòa giải và việc tiến hành hòa giải không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì Thẩm phán tiến hành hòa giải giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì Thẩm phán phải hoãn phiên hòa giải. Thẩm phán phải thông báo việc hoãn phiên hòa giải và việc mở lại phiên hòa giải cho đương sự.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nếu các đương sự có mặt tại phiên hòa giải thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận đó có giá trị đối với những người có mặt và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Trường hợp thỏa thuận của họ có ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thỏa thuận này chỉ có giá trị và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu được đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản.

6. Vụ án dân sự đang tạm đình chỉ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập rút yêu cầu, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án để đình chỉ đối với yêu cầu đã rút hay chờ đến khi lý do tạm đình chỉ vụ án không còn, mới giải quyết trong cùng vụ án và ghi rõ trong phần nhận định của bản án về việc rút yêu cầu đó?

(6)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: **56/2017/QĐST-KDTM**).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số **50/2017/TLST-KDTM**).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau: